| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN C**<br>**TỈNH TRÀ VINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 15/2019/HS - ST
Ngày: 16 - 05 – 2019

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TRÀ VINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Văn Mến
*Các Hội thẩm nhân dân*:
Ông Phan Trường Khoa
Ông Nguyễn Thành Công

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Thị Hồng Nhung là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa***: Ông Huỳnh Thanh Huấn - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 16 tháng 05 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 64/2018/TLST - HS, ngày 18 tháng 12 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 291/2018/QĐXXST – HS, ngày 28 tháng 12 năm 2018 đối với:

Bị cáo Trầm Văn T, sinh ngày 10/11/1990 (Có mặt).

Nơi ĐKHKTT và nơi cư trú: Ấp T, xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp làm thuê; trình độ văn hóa lớp 01/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Cao Đài; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trầm Văn P, sinh năm 1954 và bà Đồng Thị H, sinh năm 1964; đang sống như vợ, chồng với bà Kim Nguyệt Thị Chà R, sinh năm 1991; Con có 02 người, lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2017; tiền sự không; tiền án không.

Bị cáo Trầm Văn T đang chấp hành bản án có hiệu lực pháp luật là 01 (Một) năm tù với bản án số: 17/2019/HSST, ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

*- Bị hại:*

1. Ông Trương Bảo B, sinh năm 1980 (Có mặt)
Nơi cư trú: Ấp 3, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh
2. Bà Võ Thị M A, sinh năm 1995 ( Yêu cầu xét xử vắng mặt )
Nơi cư trú: Ấp 6, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1972 (Có mặt)
Nơi cư trú: Ấp 6, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. Ông Đoàn Văn Q, sinh năm 1959 (Yêu cầu xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: Số 152, đường Trần Thanh M, phường A, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

3. Ông Nguyễn Quang M, sinh năm 1971 (Yêu cầu xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Số 22/1 khu phố Thạnh H, phường An, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biên tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong tháng 3/2017 trên địa bàn huyện C, tỉnh Trà Vinh, Trầm Văn T, sinh ngày 10/11/1990, nơi cư trú ấp T, xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh đã thực hiện 02 hành vi trộm cắp tài sản như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 09/3/2017, Trầm Văn T điều khiểu xe mô tô biển kiểm soát 61T4 – 2692 từ nhà chị ruột tên Trầm Thị N, ngụ ấp 2, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh đi theo lộ đal ấp 2, xã M, hướng về thị trấn C, huyện Càng Long để tìm tài sản lấy trộm. Trên đường đi, Trầm Văn T phát hiện xe mô tô biển kiểm soát 64F1 – 0461, nhãn hiệu Honda, loại xe Dream, màu nâu trắng, của ông Trương Bảo B, sinh năm 1980, nơi cư trú ấp 3, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh, xe đậu phía trong lề bên phải cách lộ đal 1,2 mét, cách trụ điện số 27 về hướng Đông Nam 16,7 mét, thuộc ấp 2, xã M trên xe có để sẵn chìa khóa, nên Trầm Văn T điều khiển xe qua khỏi khoảng 05 mét thì dừng xe đi bộ đến nơi để xe mô tô biển kiểm soát 64F1 – 0461, T khởi động máy xe và điều khiển đi về hướng thị trấn C và bỏ lại xe mô tô biển kiểm soát 61T4 – 2692. Trầm Văn T điều khiển xe đến thành phố Hồ Chí Minh bán cho người đàn ông không rõ họ tên, địa chỉ được 2.500.000 đồng. Số tiền có được T đã tiêu xài cá nhân.

Vụ thứ hai: Khoảng 16 giờ ngày 22/3/2017, Trầm Văn T đi bộ từ nhà chị ruột Trầm Thị N, ngụ ấp 2, xã M theo lộ đal ấp 2, xã M, hướng về thị trấn C, huyện C để tìm tài sản lấy trộm, đi được khoảng 01km, T phát hiện trước sân nhà ông Huỳnh Văn Ch, tọa lạc tại ấp 2, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh có một xe mô tô biển kiểm soát 84L1 – 357.83, nhãn hiệu Honda, loại xe SH MODE màu nâu trắng dựng cách lộ đal 40 mét. Đây là xe của bà Võ Thị M A, sinh năm 1995, nơi cư trú ấp 6, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Trầm Văn T đi bộ vào con đường đất đến chỗ để xe, quan sát xung quanh không thấy người trông coi, trên xe có để sẵn chìa khóa, nón bảo hiểm và cái áo khoác màu đỏ của trẻ em. Trầm Văn T dẫn xe ra lộ đal, khởi động máy xe điều khiển đi về hướng thị trấn C, huyện C trên đường đi Trầm Văn Tlàm rơi cái áo khoác trẻ em màu đỏ xuống lộ. Trầm Văn T điều khiển xe lấy trộm được đến tiệm cầm đồ Thanh Q cầm cho Đoàn Văn Q, sinh năm 1959, địa chỉ số 152, đường Trần Thanh M, phường T, quận B, thành phố Hồ Chí Minh với giá 20.000.000 đồng. Số tiền có được Trầm Văn T đã tiêu xài cá nhân. Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã thu giữ xe mô tô biển kiểm soát 84 L1 – 357.83 và trao trả cho bà Võ Thị M A.

Tại kết luận định giá tài sản: số 64/KL.ĐGTS và số 65 KL.ĐGTS, cùng ngày 27 tháng 3 năm 2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C, tỉnh Trà Vinh kết luận: Xe mô tô biển kiểm soát 64F1 – 0461, nhãn hiệu Honda, loại xe Dream, màu nâu trắng của người bị hại tên Trương Bảo B tại thời điểm bị chiếm đoạt, trị giá 12.500.000 đồng; Xe mô tô biển kiểm soát 84L1-357.83, nhãn hiệu Honda, loại xe SH MODE màu nâu trắng của người bị hại tên Võ Thị M A tại thời điểm bị chiếm đoạt, trị giá 46.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 01/CT -VKSCL, ngày 11 tháng 12 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C truy tố bị cáo Trầm Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Trầm Văn T hoàn toàn thống nhất với nội dung bản cáo trạng của cơ quan Viện kiểm sát nhân dân huyện C, và thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo như sau: Vào khoảng 16 giờ 30 phút, ngày 09/3/2017, tại đoạn đường đal thuộc ấp 2, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh, bị cáo lấy trộm của ông Trương Bảo B 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 64 F1 – 0461, trị giá 12.500.000 đồng và vào khoảng 16 giờ ngày 22/3/2017, tại trước sân nhà ông Huỳnh Văn Ch, tọa lạc tại ấp 2, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh, Trầm Văn T lấy trộm của bà Võ Thị M A 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 84L1 – 357.83, trị giá 46.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị cáo lấy trộm là 58.500.000 đồng.

*Quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C*: Sau khi phân tích các chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vị đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; áp dụng Nghị quyết số 41/2017/QH14, ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc Hội; điểm r, s khoản 01, 02 Điều 51; điểm g khoản 01 Điều 52; Điều 38 và Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Trầm Văn T từ 03 (Ba) năm đến 04 (Bốn) năm tù, về tội trộm cắp tài sản và tổng hợp hình phạt bản án có hiệu lực pháp luật là 01 (Một) năm tù, của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Ngoài ra vị còn đề nghị buộc bị cáo Trầm Văn T bồi thường thiệt hại cho người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, án phí và xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật

Qua quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa không có ý kiến tranh luận. Lời nói sau cùng của bị cáo Trầm Văn T xin Hội đồng xét xử, xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng không bổ sung tài liệu, đồ vật và không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố

tụng. Xác định tư cách người tham gia tố tụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của luật Tố tụng hình sự và giới hạn xét xử của Tòa án theo Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên tòa bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Đồng thời thống nhất với bản kết luận định giá tài sản số: 64/KL.ĐGTS và số 65/KL.ĐGTS, cùng ngày 27 tháng 3 năm 2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C, tỉnh Trà Vinh. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1]. Lời nhận tội của bị cáo Trầm Văn T tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do cơ quan Điều tra Công an huyện C thu thập có được.

Do vậy, Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện C quyết định truy tố bị cáo Trầm Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 là phù hợp với quy định của pháp luật, không oan, không sai.

[2]. Xét hành vi phạm tội của bị cáo Trầm Văn T là nguy hiểm cho xã hội; bởi vì, tài sản của công dân bao gồm tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng, phương tiện đi lại ... là do quá trình lao động một nắng hai sương mới có được. Bị cáo là người có đủ sức khỏe lao động tạo ra nguồn thu nhập, phục vụ nhu cầu cuộc sống bản thân và gia đình, nhưng bị cáo không lo chí thú làm ăn, lợi dụng sự sơ hở quản lý tài sản của chủ sở hữu, thực hiện hành vi lén lúc nhằm chiếm đoạt tài sản. Cụ thể vào ngày 09/3/2017 và ngày 22/3/2017, bị cáo lấy trộm xe của người bị hại là ông Trương Bảo B và bà Võ Thị M A, với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 58.500.000 đồng.

[3]. Tính chất của vụ án là nghiêm trọng, mặc dù một phần tài tài sản đã được thu hồi trả lại cho chủ sở hữu nhưng bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, tội phạm đã hoàn thành, hậu quả đã xảy ra, bị cáo nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng xuất phát từ tham lam, tự lợi, lười lao động, không bỏ ra công sức để có tiền tiêu xài cá nhân đã dẫn bị cáo phạm tội. Bản thân bị cáo có nhân thân xấu, vào ngày 18/09/2012 bị Tòa án nhân dân huyện T xử phạt 01 năm 06 tháng tù về hành vi trộm cắp tài sản. Chấp hành xong hình phạt bị cáo không biết ăn năn hối cải, tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản vào ngày 09/3/2017 và ngày 22/3/2017, đây là tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần. Trước đó bị cáo Trầm Văn T thực hiện hành vụ trộm cắp tài sản tại thị xã D, tỉnh Trà Vinh, sau đó thực hiện trộm cắp tài sản tại huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Do đó, hành vi của bị cáo thể hiện rất xem thường pháp luật, đã làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương mà còn gây hoang mang trong đời sống của quần chúng nhân dân.

[4]. Tình hình trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện C thời gian gần đây xảy ra nhiều, liên tục, gây bức xúc trong nhân dân. Để góp phần ổn định tình hình trật tự tại địa phương và đấu tranh ngăn ngừa tội phạm. Hội đồng xét xử cần lên cho bị cáo một mức án tương xứng với hành vi của bị cáo và tính chất của vụ án, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử cũng cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo: Nguyên tắc có lợi cho bị cáo là áp dụng Nghị quyết số 41/2017/QH14, ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc Hội; Sau khi phạm tội bị cáo đã thật thà khai báo, ăn năn hối cải, tự thú về hành vi phạm tội, tài sản đã được thu hồi một phần trả lại cho người bị hại, hoàn cảnh gia đình có phần khó khăn, con còn nhỏ, bị cáo là lao động chính trong gia đình. Đây là những căn cứ để áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo; mặc khác hành vi phạm tội của bị cáo ở huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng và thị xã D, tỉnh Trà Vinh được Tòa án nơi đây xử lý bằng một bản án độc lập và về định lượng tổng giá trị của các lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản không vượt quá hai trăm triệu đồng, Hội đồng xét xử, xem xét cho bị cáo khi nghĩ nghị án. Do đó ý kiến đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ theo quy định của pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với hành vi của ông Đoàn Văn Q cầm xe mô tô biển kiểm soát 84L1 – 357.83, không biết tài sản do Trầm Văn T phạm tội mà có nên không bị xử lý.

[5]. Về trách nhiệm bồi thường dân sự:

- Người bị hại Võ Thị M A đã nhận lại tài sản là xe mô tô biển kiểm soát 84L1 – 357.83 không yêu cầu bồi thường, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Buộc bị cáo Trầm Văn T có trách nhiệm bồi thường cho người bị hại ông Trương Bảo B 12.500.000 đồng, tương đương giá trị xe mô tô biển kiểm soát 64 F1 – 0461 và bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Văn Q số tiền 20.000.000 đồng, tiền cầm xe mô tô biển kiểm soát 84L1 – 357.83.

[6] .Về vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu giữ: 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 61T4 – 2692, loại xe Wave, màu sơn đỏ, xe không bửng chắn gió phía trước, không kính chiếu hậu, số khung VPDBCH013PD 030917, số máy VPDOR152FMH00030917 là tài sản liên quan đến vụ trộm cắp tài sản xảy ra tại thị xã T, tỉnh Bình Dương, giao cho cơ quan Điều tra Công an huyện C xử lý theo quy định pháp luật.

[7]. Về án phí: Buộc bị cáo Trầm Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**:

**1**. Tuyên bố bị cáo Trầm Văn T phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

- Căn cứ: điểm e khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Điểm r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017

+ Xử phạt bị cáo Trầm Văn T 03 (Ba) năm tù. Do bị cáo Trầm Văn T đang chấp hành bản án có hiệu lực pháp luật số: 17/2019/HSST, ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, với hình phạt là 01 (Một) năm tù.

- Căn cứ vào Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

+ Tổng hợp hình phạt bị cáo Trầm Văn T phải chấp hành là 04 (Bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 18 tháng 8 năm 2018.

**2**. ***Về trách nhiệm bồi thường dân sự***: Áp dụng các Điều 584; 585; 586; 588; 589 và Điều 357 Bộ luật dân sự.

- Buộc bị cáo Trầm Văn T bồi thường cho ông Trương Bảo B số tiền là 12.500.000 đồng (Mười hai triệu, năm trăm ngàn đồng) và bồi thường cho ông Đoàn Văn Q số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Án có hiệu lực pháp luật, kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm một khoản lãi suất theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

**3.** ***Về vật chứng***: Áp dụng điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Giao cho cơ quan Điều tra Công an huyện C, tỉnh Trà Vinh: 01 (Một) xe mô tô biển kiểm soát 61T4 – 2692, loại xe Wave, màu sơn đỏ, xe không bửng chắn gió phía trước, không kính chiếu hậu, số khung VPDBCH013PD 030917, số máy VPDOR152FMH00030917, xử lý theo quy định pháp luật.

**4.** ***Về án phí***: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Bị cáo Trầm Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.625.000 đồng (Một triệu sáu trăm hai mươi lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa biết, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày án sơ thẩm tuyên. Riêng người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cư trú.

*(*Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 06, 07 và 09 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự*).*

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- CCTHADS huyện C;
- Công an huyện C;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Mến**